**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 2.**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** MySQL là gì?

A. Một ngôn ngữ lập trình. B. Một hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

C. Một framework phát triển ứng dụng web. D. Một phần mềm biên dịch mã nguồn mở.

**Câu 2.** Để thiết lập kết nối với cơ sở dữ liệu MySQL trong HeidiSQL, bạn cần cung cấp thông tin gì?

A. Tên máy chủ (host), tên người dùng (username), mật khẩu (password).

B. Tên cơ sở dữ liệu (database name), tên bảng (table name), trường dữ liệu (field name).

C. Tên file cấu hình (configuration file name), đường dẫn file cấu hình.

D. Tên máy chủ (host), tên bảng (table name).

**Câu 3.** Cần gõ câu truy vấn nào trong cửa sổ lệnh của MySQL để đọc được toàn bộ thông tin bảng bangdiem trong CSDL hocsinh?

A. INSERT \* FROM hocsinh.bangdiem; B. DELETE hocsinh FROM bangdiem;

C. UPDATE hocsinh; D. SELECT \* FROM hocsinh.bangdiem;

**Câu 4.** Để thêm thông tin ngày sinh của các nhạc sĩ, ca sĩ vào CSDL, bạn cần?

A. Cần thay đổi cấu trúc CSDL bằng cách thêm một bảng mới để lưu trữ thông tin này.

B. Thêm một trường mới vào bảng "nhacsi" và bảng "casi" để lưu trữ thông tin ngày sinh.

C. Cần xóa bỏ cấu trúc CSDL và thay bằng cấu trúc khác.

D. Đáp án khác.

**Câu 5.** Để thực hiện mô hình quản lí danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố em phải xác định mối quan hệ giữa?

A. Tỉnh thành phố và Quận/Huyện. B. Tỉnh và Thị trấn. C. Tỉnh và thị xã. D. Huyện và thị trấn.

**Câu 6.** Để thực hiện mô hình quản lí danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, trong bảng Quận/Huyện thì MaTinhThanhPho sẽ là?

A. Khóa chính. B. Khóa ngoại tham chiếu tới bảng Quận/Huyện.

C. Khóa ngoai tham chiếu tới bảng Tỉnh thành phố. D. Đáp án khác.

**Câu 7.** Việc đầu tiên để làm việc với một CSDL là?

A. Thu thập. B. Xử lý. C. Tạo lập. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 8.** Chọn cách sai khi khởi động phàn mềm HeidiSQL?

A. Kích đúp chuột trái vào biểu tượng của phần mềm HeidiSQL trên màn hình nền.

B. Kích đúp chuột phải vào biểu tượng của phần mềm HeidiSQL trên màn hình nền.

C. Kích chuột trái vào biểu tượng của phần mềm HeidiSQL trên màn hình nền, nháy chuột phải rồi chọn pen.

D. 🡪 start tìm đến phần mềm HeidiSQL 🡪 kích chuột trái vào tên phần mềm.

**Câu 9.** Chọn phương án đúng khi chọn khóa chính cho bảng?

A. Phải tạo tất cả các cột xong mới khai báo khóa chính cho bảng.

B. Sau khi lưu bảng xong mới được khai báo khóa chính.

C. Có thể khai báo khóa chính ngay sau khi tạo xong cột làm khóa chính của bảng.

D. Chọn khóa chính trước khi tạo các cột của bảng.

**Câu 10.** Kiểu dữ liệu cho cột tên thành phố (tenthanhpho) trong CSDl quản lí tỉnh, thành phố là kiểu nào?

A. INT. B. VARCHAR. C. FLOAT. D. DECIMAL.

**Câu 11.** Khoá ngoài có tác dụng?

A. Thể hiện dữ liệu chính. B. Liên kết các dữ liệu trong bảng với nhau.

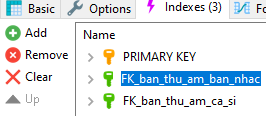
C. Liên kết dữ liệu giữa các bảng. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 13.** Xét CSDL quản lý Điểm.

Em hãy cho biết đâu là đáp án đúng nhất khi xác định khoá ngoài trong bảng BANG\_DIEM là trường nào?

A. Ma\_hoc\_sinh; Ma\_mon\_hoc. B. Ma\_mon\_hoc. C. Ma\_hoc\_sinh. D. Diem\_so.

**Câu 14.** Trong CSDL m**usic** ở bảng **ban\_thu\_am** trong thẻ Indexes đang được hiết lập như hình dưới đây, em hãy quan sát hình và cho biết để xoá bỏ hết cùng lúc các thiết lập khoá trong thẻ Indexes ta nháy chuột vào nút nào?



A. Nháy nút Add. B. Nháy nút Remove. C. Nháy nút Clear. D. Nháy nút Up.

**Câu 15.** Để lấy ra danh sách dữ liệu thỏa mãn một yêu cầu nào đó ta thực hiện?

A. Các thao tác tạo bộ lọc. B. Các thao tác xóa. C. Các thao tác sắp xếp. D. Đáo án khác.

**Câu 16.** Có thể nhập câu truy vấn SQL để?

A. Sắp xếp dữ liệu một cách linh hoạt hơn. B. Xóa dự liệu nhanh hơn.

C. Truy xuất dữ liệu một cách linh hoạt hơn. D. Cả ba đáp án trên đều sai.

**Câu 17.** Cặp dấu [ ] dùng để?

A. Biểu thị nội dung bên ngoài nó là một lựa chọn có thể dùng hoặc không dùng.

B. Biểu thị nội dung bên trong nó là một lựa chọn có thể dùng hoặc không dùng.

C. Biểu thị nội dung bên trong nó là một lựa chọn bắt buộc dùng. D. Đáp án khác.

**Câu 18.** Muốn truy xuất tất cả các dòng dữ liệu từ bảng "casi" ta dùng ?

A. SELECT \* FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%'; B. SELECT \* FROM casi WHERE idcasi = 1;

C. SELECT \* FROM casi; D. SELECT \* FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

**Câu 19.**  Khi nhập dữ liệu cho bảng có khóa ngoài, dữ liệu của khóa ngoài đó phải là dữ liệu liên kết đến loại khóa nào trong bảng tham chiếu khác

A. Khóa chính. B. Khóa ngoài. C. Khóa cấm trùng lặp giá trị. D. Khóa thường.

**Câu 20.** Hệ QTCSDL có chức năng ngăn chặn lỗi nào sau đây trong quá trình nhập dữ liệu cho bảng?

A. Có thể ngăn chặn được tất cả các lỗi. B. Có thể ngăn chặn được các lỗi như nhập sai, lỗi chính tả.

C. Có thể ngăn chặn được các lỗi logic đã được khai báo

D. Không ngăn chặn được lỗi nào trong quá trình nhập dữ liệu.

**Câu 21**. Khi nhận ra sai sót trong việc nhập dữ liệu cho khóa ngoài ta sửa chữa bằng cách nào sau đây:

A. Nháy đúp chuột vào trường khóa ngoài bị sai và gõ các kí tự cần sửa.

B. Nháy đúp chuột vào trường khóa ngoài bị sai và chọn lại.

C. Không sửa được vì để đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu.

D. Sửa trong bảng dữ liệu mà khóa ngoài đó liên kết với khóa chính.

**Câu 22.** Khi Bảng bannhac có dữ liệu với trường idNhacsi tham chiếu đến trường idNhacsi của bảng nhacsi thì ta không thể?

A. Tùy tiện xóa các dòng của bảng nhacsi. B. Tùy tiện thay đổi dữ liệu trong bảng nhacsi.

C. Tùy tiện thêm dữ liệu vào bảng nhacsi. D. Đáp án khác.

**Câu 23.** Để truy vấn được nhiều hơn hai bảng theo liên kết khóa ngoài ta dùng cách nào sau đây:

A. Lặp lại mệnh đề SELECT. B. Lặp lại mệnh đề INNER JOIN.

C. Lặp lại mệnh đề ODER BY. D. Lặp lại mệnh đề WHERE.

**Câu 24.** Phát biểu nào sau đây là đúng khi truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng?

A. Để truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng ta chọn thẻ truy vấn và nhập câu lệnh truy vấn và nhấn vào biểu tượng F4. B. Chỉ có thể truy xuất dữ liệu từ 2 bảng.

C. Truy vấn dữ liệu có thể thực hiện chức năng tổng hợp thông tin từ nhiều bảng và lọc ra danh sách thỏa mãn yêu cầu nào đó. D. Để liên kết bảng A và bảng B câu lệnh mệnh đề JOIN được viết như sau:

FROM tên\_bảng\_A,tên\_trường\_a=tên\_bảng\_B,tên\_trường\_b

**Câu 25.** Để lấy ra danh sách các bản nhạc gồm tenBannhac, tenNhacsi từ 2 bảng bannhac và nhacsi, trong phần mềm HeidiSQL ta chọn thẻ:

A. Truy vấn. B. Tìm kiếm. C. Chỉnh sửa. D. Tập tin.

**Câu 26.** Chính sách an toàn dữ liệu phải bao gồm?

A. Những quy định về ý thức đối với những người vận hành hệ thống.

B. Những quy định về trách nhiệm đối với những người vận hành hệ thống.

C. Cả hai đáp án trên đều đúng. D. Cả hai đáp án trên đều sai.

**Câu 27.** Thực hiện Cấu hình tính năng sao lưu dữ liệu dự phòng dể?

A. Đảm bảo tính nhanh chóng, đúng đắn và đầy đủ của quy trình phục hồi dữ liệu.

B. Đảm bảo tính thường xuyên, đúng đắn và đầy đủ của quá trình sao lưu dữ liệu.

C. Đáp ứng đúng yêu cầu của tổ chức và đảm bảo tính an toàn của dữ liệu. D. Đáp án khác.

**Câu 28.** Bạn có thể chọn các tùy chọn sao lưu dữ liệu ở trong cửa sổ nào?

A. "File". B. "New Session". C. "Export Database". D. "Select All".

**Câu 29.** Việc quản trị CSDL trên máy tính trong bệnh viện mang lại lợi ích gì cho quản lý hồ sơ bệnh nhân? Hãy chọn phương án sai:

A. Tăng khả năng lưu trữ và truy xuất thông tin hồ sơ bệnh nhân.

B. Cải thiện tính bảo mật và quản lý quyền truy cập vào dữ liệu bệnh nhân.

C. Tối ưu hóa quá trình đăng ký và ghi nhận thông tin bệnh nhân. D. Chuẩn đoán bệnh chính xác hơn.

**Câu 30.** Điều gì làm cho việc quản trị CSDL trên máy tính trở nên quan trọng trong thời đại số hóa? Hãy chọn đáp án chưa chính xác:

A. Sự tăng trưởng nhanh chóng của dữ liệu. B. Sự phức tạp và khó khăn trong việc quản lý dữ liệu lớn.

C. Nhu cầu cung cấp thông tin chính xác và kịp thời.

D. Quản lý thủ công có nhiều để tạo việc làm cho người lao động.

**Câu 31.** HeidiSQL cho phép thực hiện truy vấn SQL thông qua giao diện nào?

A. Giao diện dòng lệnh (command-line interface). B. Giao diện đồ họa (graphical user interface).

C. Giao diện dòng lệnh và giao diện đồ họa. D. Giao diện web.

**Câu 32.** Các kiểu dữ liệu của các trường số thẻ học sinh có thể có là?

A. Kiểu INT và tự động tăng giá trị. B. Xâu kí tự. C. Kiểu Date/time. D. Kiểu logic.

**Câu 33.** Có các loại khóa nào trong CSDL?

A. Khóa chính. B. Khóa ngoài. C. Khóa cấm trùng lặp giá trị. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu34.** Để thực hiện mô hình quản lí danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, trong bảng Quận/Huyện thì MaTinhThanhPho sẽ là?

A. Khóa chính. B. Khóa ngoài tham chiếu tới bảng Quận/Huyện.

C. Khóa ngoài tham chiếu tới bảng Tỉnh thành phố. D. Đáp án khác.

**Câu 35.** Chọn phát biểu đúng khi tạo tên cột?

A. Nếu tên cột bị sai thì xóa đi tạo lại. B. Nếu tên cột sai thì nháy chuột vào tên cột sai rồi sửa.

C. Tên cột đã tạo không sửa lại được. D. Nháy chuột phải vào tên cột sai rồi chọn Rename rồi gõ tên cột mới.

**Câu 36.** Cột mã tỉnh, thành phố (idtinhtp) trong CSDl quản lí tỉnh, thành phố có thể sử dụng kiểu dữ liệu nào?

A. INT. B. DECIMAL. C. BINARY. D. FLOAT.

**Câu 37.** Để lưu lại bảng ta thực hiện?

A. File/Save. B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + S.

C. Nhấn nút lệnh Save ngay bên dưới phần tạo cột của bảng. D. Nhấn phím F2.

**Câu 38.** Khi khởi động phần mềm HeidiSQL tại ô Password ta điền gì?

A. Không bắt buộc. B. Tùy theo mỗi lần dùng khác nhau có thể đặt Password khác nhau.

C. Bắt buộc chung 1 Password cho 1 máy trong các lần sử dụng khác nhau do người dùng cùng thống nhất.

D. Là Password khi cài đặt phần mềm đã quy định.

**Câu 39.** Để khai báo khóa cấm trùng lặp ta dùng?

A. Chọn Create new index -> Primary. B. Chọn Create new index -> Key.

C. Chọn Create new index -> Unique. D. Chọn Create new index -> Fulltext.

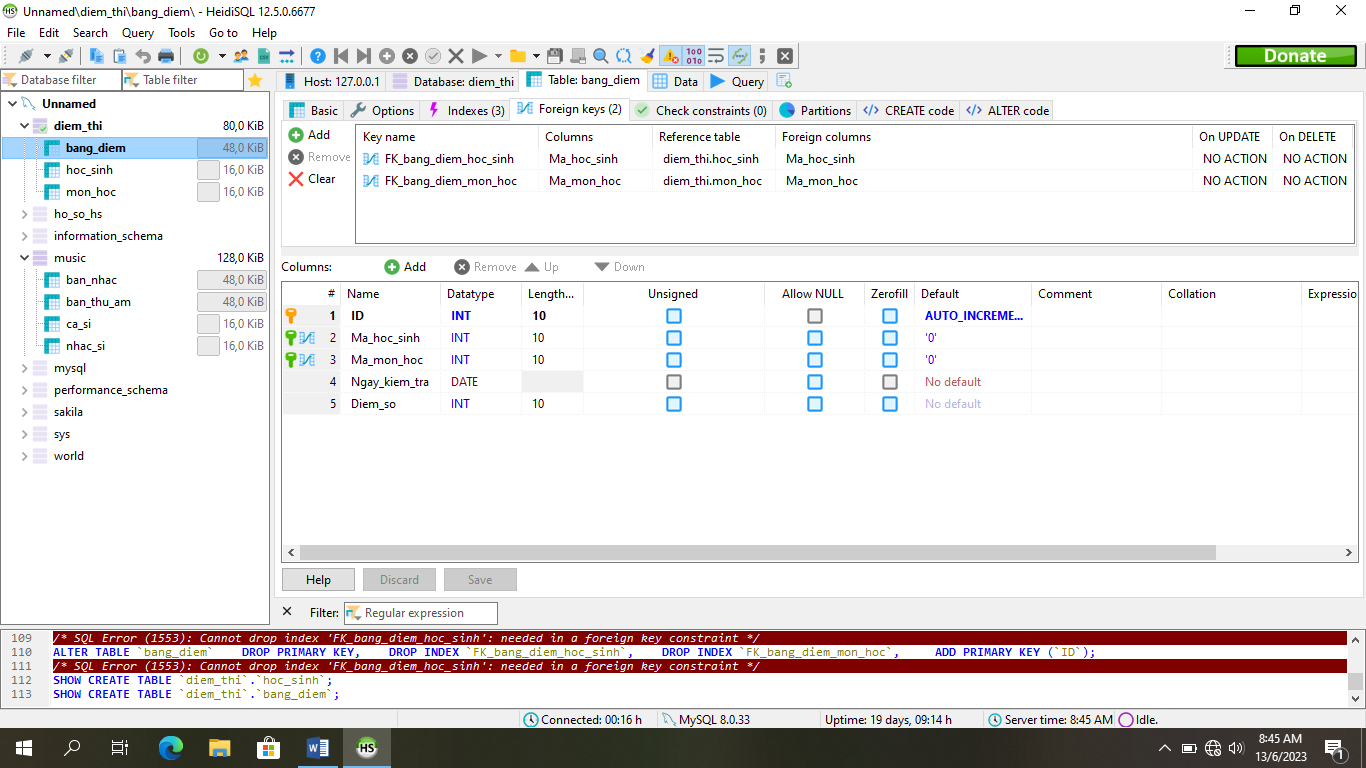
**Câu 40.** Kiểu dữ liệu của trường Họ\_Tên là gì?

A. INT. B. FLOAT. C. VARCHAR. D. DATE.

**Câu 41.** Để khai báo khóa ngoài chọn thẻ?

A. " Create database". B. "Create new". C. "Root". D. Foreign keys.

**Câu 42.** Lựa chọn sau thể hiện liên kết giữa 2 bảng nào?



A. Bảng: hoc\_sinh và Ma\_hoc\_sinh. B. Bảng: bang\_diem và Ma\_hoc\_sinh.

C. Bảng: bang\_diem và hoc\_sinh. D. Bảng: hoc\_sinh và Ma\_hoc\_sinh.

**Câu 43.** Để truy xuất dữ liệu từ bảng "casi" theo các tiêu chí khác nhau, có thể sử dụng?

A. Trực tiếp lọc ra các dữ liệu thủ công. B. Đặt lệnh và thực hiện lệnh.

C. Ngôn ngữ truy vấn cơ sở dữ liệu (SQL) để tạo các câu truy vấn phù hợp. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 44.** Để chỉnh sửa dữ liệu trong bảng ta thực hiện?

A. Nháy đúp chuột vào ô dữ liệu cần sửa và nhập lại. B. Nhấn phím Insert.

C. Nháy nút phải chuột vào ô cần sửa. D. Nháy nút trái chuột vào ô dữ liệu cần sửa.

**Câu 45.** Để xóa các dòng dữ liệu trong bảng, ta thực hiện?

A. Đánh dấu những dòng muốn chọn và nhấn tổ hợp phím Ctrl+Delete.

B. Đánh dấu những dòng muốn chọn và chọn biểu tượng x màu đỏ.

C. Cả hai đáp án trên đều đúng. D. Cả hai đáp án trên đều sai.

**Câu 46.** Để xem toàn bộ dữ liệu trong bảng ta chọn thẻ?

A. Truy vấn. B. Table. C. Dữ liệu. D. Đáp án khác.

**Câu 47** Điểm nào sau đây không phải là ưu điểm của giao diện quản lý được tạo bằng HeidiSQL?

A. Người dùng không cần biết, nhớ cấu trúc của bảng trong CSDL. B. Giao diện dễ sử dụng.

C. Đảm bảo tính nhất quán dữ liệu D. Mất quá nhiều thời gian của người dùng.

**Câu 48.** Hệ QTCSDL không ngăn chặn được các lỗi nào dưới đây?

A. Lỗi theo logic đã được khai báo. B. Các lỗi không liên quan đến logic nào.

C. Lỗi theo logic chưa được khai báo. D. Lỗi theo kí tự đã được khai báo.

**Câu 49.** Để Truy xuất dữ liệu từ bảng "quanhuyen" sắp xếp theo một trường cụ thể?

A. SELECT \* FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000.

B. SELECT \* FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1.

C. SELECT \* FROM quanhuyen ORDER BY danso DESC; -- Giả sử muốn sắp xếp theo trường danso giảm dần (DESC).

D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen.

**Câu 50.** Để truy vấn dữ liệu trong sql ta sử dụng?

A. Mệnh đề ORDER BY. B. Cú pháp câu lệnh SELECT.

C. Dùng toán tử BETWEEN…AND. D. Đáp án khác.

**Câu 51.** Câu lệnh

SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi

FROM bannhac INNER JOIN nhacsi

ON bannhac.idNhacsi=nhacsi.idNhacsi;

Thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng bannhac.

B. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng nhacsi.

C. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng bannhac và nhacsi.

D. Lấy danh sách gồm tenBannhac, tenNhacsi thông qua idNhacsi.

**Câu 52.** Để truy vấn hai bảng qua liên kết khóa ta dùng mệnh đề nào sau đây

A. JOIN. B. ON. C. WHERE. D. SELECT.

**Câu 53. Cho cơ sở dữ liệu gồm các bảng sau:**

- Sách (Mã sách, Tên sách, Mã tác giả, Mã thể loại, Mã NXB, Năm xuất bản)

- Tác giả (Mã tác giả, Tên tác giả, website, Ghi chú)

- Thể loại (Mã thể loại, Tên thể loại)

SELECT Sách.tên sách, Thể loại.tên thể loại

FROM sach INNER JOIN theloai

ON Sách.Mã thể loại= Thể loại.Mã thể loại

Thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng Sách.

B. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng Thể loại.

C. Lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng Sách, Thể loại.

D. Lấy danh sách gồm tên sách, tên thể loại thông qua Mã thể loại

**Câu 54.** Để sao lưu các bảng ta chọn?

A. "Select All". B. "File". C. "New Session". D. "Export Database".

**Câu 55.** Cần cấu hình và xây dựng kế hoạch phục hồi dữ liệu trong trường hợp?

A. Xảy ra tình huống bất ngờ. B. Xảy ra sự cố.

C. Xảy ra các sự việc không mong muốn. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 56.** Có thể lựa chọn tùy chọn sao lưu nào dưới đây?

A. Cấu trúc bảng. B. Chỉ số, ràng buộc. C. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. A | 3. D | 4. B | 5. A | 6. C | 7. C | 8. B | 9. C | 10. B |
| 11. C | 12. C | 13. A | 14. C | 15. A | 16. C | 17. B | 18. C | 19. A | 20. C |
| 21. B | 22. A | 23. B | 24. C | 25. A | 26. C | 27. C | 28. C |  |  |
| 29. D | 30. D | 31. B | 32. B | 33. D | 34. C | 35. B | 36. A | 37. C | 38. C |
| 39. C | 40. C | 41. D | 42. C | 43. C | 44. A | 45. C | 46. C | 47. D | 48. B |
| 49. C | 50. B | 51. D | 52. A | 53. D | 54. A | 55. B | 56. D |  |  |

**II. Câu hỏi ĐÚNG /SAI**

**BÀI 17. QUẢN TRỊ CSDL TRÊN MÁY TÍNH**

Câu 1: Ngân hàng X đang gặp khó khăn trong việc quản lý dữ liệu khách hàng. Việc tìm kiếm thông tin khách hàng mất rất nhiều thời gian, gây ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch. Theo bạn, việc ứng dụng hệ quản trị CSDL trên máy tính có thể giải quyết vấn đề này không?

a) (Nhận biết) Hệ quản trị CSDL giúp quản lý dữ liệu một cách hiệu quả.

b) (Nhận biết) Ứng dụng hệ quản trị CSDL không thể cải thiện tốc độ tìm kiếm thông tin.

c) (Thông hiểu) Hệ quản trị CSDL giúp tăng tốc độ truy xuất thông tin, từ đó rút ngắn thời gian giao dịch.

d) (Vận dụng) Ngân hàng X có thể sử dụng hệ quản trị CSDL để quản lý thông tin khách hàng, giao dịch và tài khoản.

Câu 2: MySQL là một hệ quản trị CSDL miễn phí, được sử dụng phổ biến trong các ứng dụng quản lý.

a) (Nhận biết) MySQL là một hệ quản trị CSDL mã nguồn mở.

b) (Nhận biết) MySQL chỉ được sử dụng trong các ứng dụng nhỏ, không phù hợp với các hệ thống lớn.

c) (Thông hiểu) MySQL có ưu điểm là gọn nhẹ, tốc độ xử lý nhanh và hỗ trợ quản lý tính nhất quán của dữ liệu.

d) (Vận dụng) Người dùng có thể tải và cài đặt MySQL miễn phí từ trang web chính thức.

Câu 3: HeidiSQL là một phần mềm hỗ trợ giao tiếp với hệ quản trị CSDL MySQL.

a) (Nhận biết) HeidiSQL có giao diện dòng lệnh, yêu cầu người dùng phải nhớ cú pháp các lệnh.

b) (Nhận biết) HeidiSQL là một phần mềm miễn phí, có giao diện đồ họa thân thiện với người dùng.

c) (Thông hiểu) HeidiSQL hỗ trợ kết nối với nhiều hệ quản trị CSDL khác nhau, không chỉ MySQL.

d) (Vận dụng) Người dùng có thể sử dụng HeidiSQL để tạo lập CSDL, tạo bảng, cập nhật và truy xuất dữ liệu.

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 3: A-Sai, B-Đúng, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 18. THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC BẢNG VÀ CÁC TRƯỜNG KHOÁ**

Câu 1: Nhóm của An đang thực hiện một dự án về quản lý thư viện. An được giao nhiệm vụ thiết kế cơ sở dữ liệu cho hệ thống. An cho rằng chỉ cần tạo một bảng duy nhất để lưu trữ tất cả thông tin về sách, độc giả và việc mượn trả là đủ.

a) (Nhận biết) Việc tạo nhiều bảng để lưu trữ dữ liệu giúp dễ dàng quản lý và truy xuất thông tin hơn.

b) (Nhận biết) Mỗi bảng trong cơ sở dữ liệu nên chứa thông tin về nhiều đối tượng khác nhau.

c) (Thông hiểu) Việc chia nhỏ thông tin vào các bảng khác nhau giúp tránh trùng lặp dữ liệu và tiết kiệm dung lượng lưu trữ.

d) (Vận dụng) An nên tạo các bảng riêng biệt cho sách, độc giả và thông tin mượn trả để quản lý thư viện hiệu quả.

Câu 2: Bình đang tìm hiểu về cách thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ. Bình cho rằng việc xác định khóa chính cho mỗi bảng là không cần thiết.

a) (Nhận biết) Khóa chính là một trường hoặc một tập hợp các trường dùng để xác định duy nhất một bản ghi trong bảng.

b) (Nhận biết) Khóa chính không quan trọng trong việc đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.

c) (Thông hiểu) Việc không có khóa chính có thể dẫn đến dữ liệu trùng lặp và khó khăn trong việc quản lý thông tin.

d) (Vận dụng) Bình nên xác định khóa chính cho mỗi bảng để đảm bảo tính duy nhất của mỗi bản ghi.

Câu 3: Lan muốn tạo liên kết giữa bảng "Sách" và bảng "Tác giả" trong cơ sở dữ liệu thư viện. Lan cho rằng có thể sử dụng tên tác giả làm khóa ngoài trong bảng "Sách".

a) (Nhận biết) Khóa ngoài là một trường trong bảng này tham chiếu đến khóa chính của bảng khác.

b) (Nhận biết) Tên tác giả có thể trùng lặp nên không thể dùng làm khóa ngoài.

c) (Thông hiểu) Sử dụng khóa ngoài giúp tạo mối quan hệ giữa các bảng và đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.

d) (Vận dụng) Lan nên sử dụng "Mã tác giả" làm khóa ngoài trong bảng "Sách" để liên kết với bảng "Tác giả".

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 3: A-Đúng, B-Đúng, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 19. THỰC HÀNH TẠO LẬP CSDL VÀ CÁC BẢNG**

Câu 1: An đang học cách tạo lập CSDL bằng HeidiSQL. An cho rằng việc tạo CSDL mới có thể thực hiện bằng cách nhập tên CSDL vào vùng soạn thảo truy vấn và nhấn nút "Chạy".

a) (Nhận biết) HeidiSQL cho phép tạo CSDL mới thông qua giao diện đồ họa.

b) (Nhận biết) Để tạo CSDL mới, cần phải viết mã lệnh SQL phức tạp.

c) (Thông hiểu) Việc tạo CSDL bằng giao diện đồ họa trực quan và dễ dàng hơn so với viết mã lệnh.

d) (Vận dụng) An có thể nhấp chuột phải vào vùng danh sách CSDL, chọn "Tạo mới" -> "Cơ sở dữ liệu" để tạo CSDL mới.

Câu 2: Bình muốn tạo một bảng mới trong CSDL "mymusic". Bình cho rằng chỉ cần nhập tên bảng vào vùng soạn thảo truy vấn và nhấn nút "Chạy" là được.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cung cấp giao diện đồ họa để tạo bảng mới.

b) (Nhận biết) Việc tạo bảng mới yêu cầu phải viết mã lệnh SQL.

c) (Thông hiểu) Khi tạo bảng mới, cần khai báo tên bảng, các trường dữ liệu và kiểu dữ liệu tương ứng.

d) (Vận dụng) Bình có thể nhấp chuột phải vào CSDL "mymusic", chọn "Tạo mới" -> "Bảng" để tạo bảng mới.

Câu 3: Lan đang tìm hiểu về cách khai báo khóa chính cho bảng trong HeidiSQL. Lan cho rằng khóa chính có thể là một trường bất kỳ trong bảng.

a) (Nhận biết) Khóa chính là trường hoặc tập hợp các trường dùng để xác định duy nhất một bản ghi trong bảng.

b) (Nhận biết) Tất cả các trường trong bảng đều có thể được chọn làm khóa chính.

c) (Thông hiểu) Khóa chính không được trùng lặp giá trị giữa các bản ghi.

d) (Vận dụng) Lan cần lựa chọn trường có giá trị duy nhất cho mỗi bản ghi để làm khóa chính.

Câu 4: Minh muốn khai báo trường "idNhacsi" trong bảng "nhacsi" là khóa chính và có kiểu dữ liệu là INT.

a) (Nhận biết) Minh có thể khai báo trường "idNhacsi" là khóa chính bằng cách nhấp chuột phải vào trường này và chọn "Create new index" -> "PRIMARY".

b) (Nhận biết) Trường "idNhacsi" không thể vừa là khóa chính vừa có kiểu dữ liệu là INT.

c) (Thông hiểu) Minh cần bỏ chọn ô "Allow NULL" để đảm bảo trường "idNhacsi" luôn có giá trị.

d) (Vận dụng) Minh có thể chọn "AUTO\_INCREMENT" để giá trị của trường "idNhacsi" tự động tăng thêm 1 sau mỗi lần thêm mới bản ghi.

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 4: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 20. THỰC HÀNH TẠO LẬP CÁC BẢNG CÓ KHOÁ NGOÀI**

Câu 1: Bình muốn tạo một bảng mới có tên "hocsinh" trong CSDL "quanlytruonghoc". Bình cho rằng chỉ cần nhập tên bảng là đủ, không cần khai báo thêm bất kỳ thông tin nào khác.

a) (Nhận biết) Khi tạo bảng, cần phải khai báo các trường dữ liệu và kiểu dữ liệu tương ứng.

b) (Nhận biết) Chỉ cần khai báo tên bảng là đủ, không cần khai báo thêm trường dữ liệu.

c) (Thông hiểu) Mỗi trường dữ liệu cần có một kiểu dữ liệu phù hợp với loại thông tin mà nó lưu trữ.

d) (Vận dụng) Bình cần khai báo các trường như "MaHS", "HoTen", "NgaySinh" với kiểu dữ liệu phù hợp cho bảng "hocsinh".

Câu 2: Minh muốn khai báo trường "MaSach" là khóa chính cho bảng "Sach" và có kiểu dữ liệu là INT.

a) (Nhận biết) Minh có thể sử dụng giao diện đồ họa của HeidiSQL để khai báo khóa chính.

b) (Nhận biết) Chỉ có thể khai báo khóa chính bằng cách viết mã lệnh SQL.

c) (Thông hiểu) Minh cần bỏ chọn ô "Allow NULL" để đảm bảo trường "MaSach" luôn có giá trị.

d) (Vận dụng) Minh có thể chọn "AUTO\_INCREMENT" để giá trị của trường "MaSach" tự động tăng thêm 1 sau mỗi lần thêm mới bản ghi.

Câu3: Hoa muốn khai báo trường "TenSach" có kiểu dữ liệu là VARCHAR với độ dài tối đa là 100 ký tự. Hoa cho rằng trường này có thể lưu trữ được một đoạn văn bản dài 200 ký tự.

a) (Nhận biết) Kiểu dữ liệu VARCHAR dùng để lưu trữ chuỗi ký tự có độ dài thay đổi.

b) (Nhận biết) Trường "TenSach" có thể lưu trữ một đoạn văn bản dài 200 ký tự.

c) (Thông hiểu) Độ dài tối đa của trường "TenSach" là 100 ký tự.

d) (Vận dụng) Hoa có thể thay đổi độ dài tối đa của trường "TenSach" trong quá trình thiết kế bảng.

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 21. THỰC HÀNH CẬP NHẬT VÀ TRUY XUẤT DỮ LIỆU CÁC BẢNG**

Câu 1: Bình muốn chỉnh sửa dữ liệu trong bảng "nhacsi". Bình cho rằng chỉ có thể chỉnh sửa dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL UPDATE.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cho phép chỉnh sửa dữ liệu trực tiếp trên bảng.

b) (Nhận biết) HeidiSQL chỉ cho phép chỉnh sửa dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL.

c) (Thông hiểu) Bình có thể nháy đúp chuột vào ô dữ liệu cần sửa và nhập lại giá trị mới.

d) (Vận dụng) Sau khi chỉnh sửa dữ liệu, Bình cần lưu lại thay đổi để cập nhật dữ liệu vào CSDL.

Câu 2: Lan muốn xóa một số bản ghi trong bảng "nhacsi". Lan cho rằng chỉ có thể xóa dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL DELETE.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cho phép xóa dữ liệu trực tiếp trên bảng.

b) (Nhận biết) HeidiSQL chỉ cho phép xóa dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL.

c) (Thông hiểu) Lan có thể chọn các bản ghi cần xóa và nhấn phím Delete hoặc biểu tượng để xóa.

d) (Vận dụng) HeidiSQL sẽ hiển thị thông báo xác nhận trước khi xóa dữ liệu để tránh nhầm lẫn.

Câu 3: Hoa muốn lọc dữ liệu trong bảng "nhacsi" để chỉ hiển thị những nhạc sĩ có tên bắt đầu bằng chữ "P". Hoa cho rằng chỉ có thể lọc dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL WHERE.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cung cấp tính năng "Quick filter" để lọc dữ liệu.

b) (Nhận biết) HeidiSQL chỉ cho phép lọc dữ liệu bằng cách viết câu lệnh SQL.

c) (Thông hiểu) Hoa có thể sử dụng "Quick filter" để lọc dữ liệu theo các tiêu chí khác nhau, chẳng hạn như bằng nhau, chứa một chuỗi ký tự, bắt đầu bằng một chuỗi ký tự.

d) (Vận dụng) Hoa có thể sử dụng "Quick filter" trên cột "tenNhacsi" và chọn điều kiện "LIKE 'P%'" để lọc ra những nhạc sĩ có tên bắt đầu bằng chữ "P".

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 22. THỰC HÀNH CẬP NHẬT BẢNG DỮ LIỆU CÓ THAM CHIẾU**

Câu 1: An đang nhập dữ liệu vào bảng "bannhac" trong HeidiSQL. An cho rằng có thể nhập bất kỳ giá trị nào vào trường "idNhacsi" vì nó có kiểu dữ liệu là số nguyên.

a) (Nhận biết) Trường "idNhacsi" là khóa ngoài, tham chiếu đến khóa chính "idNhacsi" của bảng "nhacsi".

b) (Nhận biết) An có thể nhập giá trị tùy ý vào trường "idNhacsi".

c) (Thông hiểu) Giá trị nhập vào trường "idNhacsi" phải tồn tại trong bảng "nhacsi" để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.

d) (Vận dụng) HeidiSQL hỗ trợ hiển thị danh sách các giá trị hợp lệ từ bảng "nhacsi" khi nhập dữ liệu vào trường "idNhacsi".

Câu 2: Bình muốn sửa dữ liệu trong bảng "bannhac". Bình cho rằng không thể sửa giá trị của trường "idNhacsi" vì nó là khóa ngoài.

a) (Nhận biết) Trường "idNhacsi" có thể được sửa đổi.

b) (Nhận biết) Khóa ngoài không thể được sửa đổi.

c) (Thông hiểu) Khi sửa đổi trường "idNhacsi", giá trị mới phải tồn tại trong bảng "nhacsi".

d) (Vận dụng) Bình có thể sử dụng giao diện đồ họa của HeidiSQL để sửa giá trị trường "idNhacsi" và chọn giá trị từ danh sách hợp lệ.

Câu 3: Lan muốn xóa dữ liệu trong bảng "nhacsi". Lan cho rằng có thể xóa bất kỳ bản ghi nào trong bảng này.

a) (Nhận biết) Việc xóa bản ghi trong bảng "nhacsi" có thể ảnh hưởng đến dữ liệu trong bảng "bannhac".

b) (Nhận biết) Có thể xóa bất kỳ bản ghi nào trong bảng "nhacsi" mà không ảnh hưởng đến các bảng khác.

c) (Thông hiểu) HeidiSQL sẽ ngăn chặn việc xóa bản ghi nếu giá trị "idNhacsi" của bản ghi đó đang được sử dụng làm khóa ngoài trong bảng "bannhac".

d) (Vận dụng) Trước khi xóa bản ghi trong bảng "nhacsi", Lan cần kiểm tra xem giá trị "idNhacsi" có đang được sử dụng trong bảng "bannhac" hay không.

Câu 4: Minh muốn truy xuất dữ liệu từ bảng "bannhac". Minh cho rằng chỉ có thể xem dữ liệu trên bảng, không thể sắp xếp hay lọc dữ liệu.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cung cấp các chức năng sắp xếp và lọc dữ liệu.

b) (Nhận biết) HeidiSQL chỉ cho phép xem dữ liệu, không thể sắp xếp hay lọc.

c) (Thông hiểu) Minh có thể sắp xếp dữ liệu theo các trường khác nhau, ví dụ như sắp xếp theo tên bản nhạc.

d) (Vận dụng) Minh có thể sử dụng tính năng lọc để chỉ hiển thị những bản nhạc của một nhạc sĩ cụ thể.

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 4: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 23. THỰC HÀNH TRUY XUẤT DỮ LIỆU QUA LIÊN KẾT CÁC BẢNG**

Câu 1: Bình muốn lấy ra danh sách các bản nhạc kèm theo tên nhạc sĩ sáng tác. Bình cho rằng chỉ cần truy xuất dữ liệu từ bảng "bannhac" là đủ.

a) (Nhận biết) Bảng "bannhac" chỉ chứa thông tin về mã bản nhạc (idBannhac), không chứa mã nhạc sĩ(idNhacsi).

b) (Nhận biết) Bảng "nhacsi" chứa thông tin về tên nhạc sĩ (tenNhacsi).

c) (Thông hiểu) Cần phải kết hợp dữ liệu từ hai bảng "bannhac" và "nhacsi" để lấy ra được danh sách bản nhạc kèm theo tên nhạc sĩ.

d) (Vận dụng) Bình có thể sử dụng câu lệnh SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi FROM bannhac INNER JOIN nhacsi ON bannhac.idNhacsi = nhacsi.idNhacsi để lấy ra danh sách bản nhạc và tên nhạc sĩ.

Câu 3: Lan muốn truy xuất dữ liệu từ ba bảng "banthuam", "bannhac" và "casi". Lan cho rằng không thể thực hiện truy vấn trên ba bảng cùng lúc.

a) (Nhận biết) Có thể truy xuất dữ liệu từ ba bảng cùng lúc nếu chúng có liên kết với nhau.

b) (Nhận biết) Không thể truy xuất dữ liệu từ ba bảng "banthuam", "bannhac" và "casi" vì chúng không có liên kết.

c) (Thông hiểu) Lan cần sử dụng hai mệnh đề JOIN trong câu lệnh SQL để kết nối ba bảng.

d) (Vận dụng) Lan có thể sử dụng câu lệnh SELECT \* FROM banthuam INNER JOIN bannhac ON banthuam.idBannhac = bannhac.idBannhac INNER JOIN casi ON banthuam.idCasi = casi.idCasi để lấy ra tất cả thông tin từ ba bảng.

Câu 5: Hoa đang tìm hiểu về ứng dụng "Quản lý dữ liệu âm nhạc". Hoa cho rằng ứng dụng này yêu cầu người dùng phải biết viết câu lệnh SQL để truy vấn dữ liệu.

a) (Nhận biết) Ứng dụng "Quản lý dữ liệu âm nhạc" có giao diện đồ họa thân thiện, dễ sử dụng.

b) (Nhận biết) Người dùng cần phải biết viết câu lệnh SQL để sử dụng ứng dụng.

c) (Thông hiểu) Ứng dụng cho phép người dùng truy xuất dữ liệu từ nhiều bảng mà không cần viết câu lệnh SQL.

d) (Vận dụng) Hoa có thể sử dụng ứng dụng để xem danh sách bản nhạc kèm theo tên nhạc sĩ, tên ca sĩ và tên thể loại mà không cần biết SQL.

**Đáp án:**Câu 1: A-Sai, B-Đúng, C-Đúng, D-Đúng

Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**BÀI 24. THỰC HÀNH SAO LƯU DỮ LIỆU**

Câu 1: An được giao nhiệm vụ sao lưu cơ sở dữ liệu "quanlytruonghoc" bằng HeidiSQL. An cho rằng chỉ có thể sao lưu toàn bộ cơ sở dữ liệu, không thể sao lưu từng bảng riêng lẻ.

a) (Nhận biết) HeidiSQL cho phép sao lưu toàn bộ CSDL hoặc chỉ một số bảng được chọn.

b) (Nhận biết) HeidiSQL chỉ cho phép sao lưu toàn bộ CSDL.

c) (Thông hiểu) Việc sao lưu từng bảng riêng lẻ giúp tiết kiệm thời gian và dung lượng lưu trữ khi chỉ cần sao lưu một phần dữ liệu.

d) (Vận dụng) An có thể chọn các bảng cần sao lưu trong HeidiSQL và thực hiện sao lưu cho các bảng đó.

Câu 2: Bình muốn sao lưu cơ sở dữ liệu "quanlytruonghoc" ra một tệp tin SQL. Bình cho rằng tệp tin này chỉ chứa cấu trúc của các bảng, không chứa dữ liệu.

a) (Nhận biết) Tệp tin sao lưu có thể chứa cả cấu trúc bảng và dữ liệu.

b) (Nhận biết) Tệp tin sao lưu chỉ chứa cấu trúc bảng.

c) (Thông hiểu) Bình có thể lựa chọn sao lưu cả cấu trúc bảng và dữ liệu hoặc chỉ sao lưu cấu trúc bảng.

d) (Vận dụng) Bình có thể sử dụng tùy chọn "Data" trong HeidiSQL để chọn chế độ sao lưu dữ liệu (chèn, cập nhật, xóa).

Câu 3: Lan muốn phục hồi cơ sở dữ liệu "quanlytruonghoc" từ một tệp tin sao lưu. Lan cho rằng việc phục hồi sẽ ghi đè lên cơ sở dữ liệu hiện tại mà không có cảnh báo.

a) (Nhận biết) HeidiSQL sẽ hiển thị cảnh báo trước khi ghi đè dữ liệu.

b) (Nhận biết) HeidiSQL sẽ tự động ghi đè dữ liệu mà không cần xác nhận.

c) (Thông hiểu) Việc hiển thị cảnh báo giúp người dùng tránh mất dữ liệu do nhầm lẫn.

d) (Vận dụng) Lan nên kiểm tra kỹ thông tin trước khi xác nhận phục hồi để tránh mất dữ liệu.

Câu 4: Minh muốn di chuyển cơ sở dữ liệu "quanlytruonghoc" sang một máy tính khác. Minh cho rằng chỉ cần sao chép tệp tin chứa cơ sở dữ liệu sang máy tính mới là được.

a) (Nhận biết) Cơ sở dữ liệu thường được lưu trữ dưới dạng tệp tin.

b) (Nhận biết) Việc di chuyển cơ sở dữ liệu yêu cầu phải sử dụng các công cụ chuyên dụng.

c) (Thông hiểu) Minh có thể sử dụng tệp tin sao lưu để phục hồi cơ sở dữ liệu trên máy tính mới.

d) (Vận dụng) Minh cần cài đặt hệ quản trị CSDL trên máy tính mới trước khi phục hồi cơ sở dữ liệu.

**Đáp án:**Câu 1: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 2: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

Câu 3: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng Câu 4: A-Đúng, B-Sai, C-Đúng, D-Đúng

**III.PHẦN TỰ LUẬN**. Cho cơ sở dữ liệu Quản lý Sách gồm các bảng sau:

- Sách (Mã sách, Tên sách, Mã tác giả, Mã thể loại, Mã NXB, Năm xuất bản)

- Tác giả (Mã tác giả, Tên tác giả, website, Ghi chú)

- Thể loại (Mã thể loại, Tên thể loại)

- Nhà xuất bản (Mã NXB, Tên NXB, Địa chỉ, Email, Thông tin người đại diện)

**Câu 1.** Xác định kiểu dữ liệu cho từng trường của các bảng. Xác định các loại khóa cho từng bảng trong CSDL trên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên bảng | Trường | Kiểu dữ liệu |
| Tác giả | Mã tác giả | INT |
| Tên tác giả | VARCHAR(256) |
| Website | VARCHAR(128) |
| Ghi chú | VARCHAR(256) |
| Thể loại | Mã thể loại | INT |
|  | Tên thể loại | VARCHAR (128) |
|  | Mã sách | INT |
|  | Tên sách | VARCHAR (256) |
|  | Mã tác giả | INT |
| Sách | Mã thể loại | INT |
|  | Mã NXB | INT |
|  | Năm xuất bản | CHAR(4) |

**Câu 2.** Hãy chỉ ra quan hệ tham chiếu giữa khóa ngoài và khóa chính của CSDL Quản lý Sách.

Mã tác giả (khóa ngoài) trong bảng Sách tham chiếu đến Mã tác giả (khóa chính) trong bảng Tác giả

Mã thể loại (khóa ngoài) trong bảng Sách tham chiếu đến Mã thể loại (khóa chính) trong bảng Thể loại

Mã NXB (khóa ngoài) trong bảng Sách tham chiếu đến Mã NXB (khóa chính) trong bảng Nhà xuất bản

**Câu 3.** Nêu các bước để tạo CSDL Quản lý sách, tạo bảng trong CSDL Quản lý Sách.

**B1:** Truy cập và đăng nhập vào MySQL

**B2:** Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có->chọn CREATE NEW -> CREATE DATABASE, nhập tên CSDL QL\_Sach->chọn OK.

**B3:**Nháy nút phải chuột vào CSDL QL\_Sach, chọn CREATE NEW->CREATE TABLE.

**Câu 4.** Nêu các bước khai báo trường khóa ngoài của bảng Sách tham chiếu đến bảng Tác giả.

**Bước 1:** Truy cập, đăng nhập vào **HeidiSQL**, mở CSDL Quản lý sách

**Bước 2:** Mở bảng Sách, chọn thẻ **Foreign keys**

**Bước 3:** Nháy chuột vào ô dưới dòng **Columns** và chọn khóa ngoài là Mã tác giả rồi chọn OK

**Bước 4:** Nháy chuột vào ô dưới dòng **Reference table** và chọn bảng tham chiếu là Tác giả rồi chọn OK

**Bước 5:** Nháy chuột vào ô dưới dòng **Foreign columns** và chọn trường tham chiếu trong bảng Tác giả là Mã tác giả rồi chọn OK

**Bước 6:** Chọn Save

**Câu 5.** Viết truy vấn để lập danh sách gồm tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản các cuốn sách do nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản.

SELECT sach.tensach, tacgia.tentacgia, nhaxuatban.tennhaxuatban

FROM sach

INNER JOIN tacgia ON tacgia. matacgia=sach.matacgia

INNER JOIN nhaxuatban ON nhaxuatban.maNXB = sach. maNXB

WHERE nhaxuatban. tenNXB = “ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam”;

**Câu 6.** Viết truy vấn để lập danh sách gồm tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản.

SELECT sach. tensach, tacgia. tentacgia, nhaxuatban. tennhaxuatban

FROM sach

INNER JOIN tacgia ON tacgia. matacgia= sach.matacgia

INNER JOIN nhaxuatban ON nhaxuatban. maNXB=sach.maNXB;